**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1729 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã**

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm | Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm | Ủy ban nhân dân cấp xã | Không | - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;<br>- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu thập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp cơ mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;<br>- Thông tư số 02/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu thập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp cơ mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;<br>- Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| 2 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm | 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hàng tháng) | Ủy ban nhân dân cấp xã | Không | |
| 3 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm | 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày | Ủy ban nhân dân cấp xã | Không | |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 15 hàng tháng) | | | |
| 4 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình | 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (rà soát từ ngày 15 hằng tháng) | Ủy ban nhân dân cấp xã | Không | - Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;<br>- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;<br>- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu thập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp cơ mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;<br>- Thông tư số 02/2022/BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu thập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp cơ mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;<br>- Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |